

QUY CH T CH C VÀ HO T NG C A
BAN KI M SOÁT NGÂN HÀNG TMCP XU T NH P KH U VI T NAM
(*ban hành kèm Quy t nh s : /2010/EIB/Q -BKS ngày ... tháng ... n m 2010 c a*
Ban ki m soát Ngân hàng TMCP Xu t Nh p kh u Vi t Nam)

Ch ng I
QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi, i t ng i u ch nh

1. Quy ch này quy nh v t ch c và ho t ng c a Ban ki m soát Ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam.

2. M i ho t ng c a Ban ki m soát và các thành viên Ban ki m soát, n v, cá nhân có liên quan n t ch c và ho t ng c a Ban ki m soát ph i tuân th i u l và Quy ch này.

i u 2. Nguyên t c t ch c, ho t ng

1. Ban ki m soát t ch c và ho t ng theo nguyên t c tuân th các quy nh c a pháp lu t, i u l và các quy nh c a Ngân hàng.

2. M i di n bi n và nh ng thông tin thu th p c trong quá trình giám sát c a Ban ki m soát ph i c xem xét, ánh giá trung th c, khách quan tr ên c s các tài li u ã c ki m tra t i ch ho c qua h th ng thông tin báo cáo.

3. T t c các báo cáo, k t lu n, ki n ngh c a Ban ki m soát g i cho i h i ng c ông, H i ng qu n tr, Ban i u hành và các c quan Nhà n c ph i c th o lu n t p th trong Ban ki m soát và tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr .

4. Ban ki m soát làm vi c theo ch t p th k t h p v i ch trách nhi m cá nhân v ph m vi công vi c c phân công c a t ng thành viên Ban ki m soát. Thành viên Ban ki m soát ch u trách nhi m báo báo v vi c th c hi n các công vi c c phân công ph trách.

i u 3. Gi i thích t ng

1. Trong Quy ch này các t ng d i ây c hi u nh sau:

a) “*Ngân hàng*” là Ngân hàng TMCP Xu t Nh p kh u Vi t Nam hay Eximbank;

b) “*C ông l n*” là c ông s h u tr c ti p ho c gián ti p m c c ph n tr ng y u theo quy nh c a i u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;

c) “*Ng i có liên quan*” là t ch c, cá nhân có quan h tr c ti p ho c gián ti p v i Ngân hàng n u thu c m t trong các tr ng h p quy nh t i i u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;

d) “*Công ty tr c thu c c a Ngân hàng*” là doanh nghi p có t cách pháp nhân, h ch toán c l p b ng v n t có mà Ngân hàng:

(i) Số vốn trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số vốn phổ thông đã phát hành của công ty cổ phần;

(ii) Có quy định về việc giám sát nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty cổ phần;

(iii) Có quy định về việc bổ sung vốn của công ty cổ phần.

) “Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách” là thành viên Ban kiểm soát làm việc thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về mặt tổ chức và pháp lý do Ban kiểm soát phân công;

e) “Nghị định 59” là Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này;

g) “Thông tư 06” là Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, vốn điều lệ của ngân hàng thương mại và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

2. Các điều khoản của nghị định trong Điều lệ Ngân hàng có ghi tại khoản 1 trong Quy chế này, trừ những quy định trái với Điều lệ này. Các tham chiếu tới mặt tổ chức và pháp lý quy định trong văn bản khác sẽ bao gồm các nghị định hoặc văn bản thay thế chúng.

Chương II **NH NG QUY NH C TH**

Mục 1 **QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 4. Chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu (ba) đến tối đa (năm) thành viên và ít nhất có 2/3 (hai phần ba) số thành viên là thành viên chuyên trách.

2. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu của Ngân hàng thực hiện các nhiệm vụ của mình.

3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là tối đa (năm) năm. Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại nếu nhiệm kỳ không hết hạn. Nhiệm vụ của thành viên bổ sung hoặc thay thế thành viên bổ sung nhiệm kỳ theo cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ trước thúc đẩy tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Tr ờng h ợp s ố thành viên Ban ki ểm soát b ộ gi ới m ột quá 1/3 (m ột ph ần ba) theo quy ịnh t ại i u l ầu Ngân hàng ho ặc không s ố thành viên t ại thi ệu theo quy ịnh c ủa pháp lu ật thì trong th ời h ạn không quá 60 (sáu m ươi) ngày, k ể từ ngày không s ố l ần theo quy ịnh, Ngân hàng ph ải t ỉ n hành b ổ sung s ố l ần thành viên Ban ki ểm soát theo quy ịnh.

i u 5. Nh ững tr ờng h ợp không c ả m ười m ười ch ợc v

Nh ững ng ười thu ộc i t ại quy ịnh t ại kho ản 2, i u 63 i u l ầu Ngân hàng không c ả là thành viên Ban ki ểm soát.

i u 6. Nh ững tr ờng h ợp không cùng m ười m ười ch ợc v

Các quy ịnh v ề không cùng m ười m ười ch ợc v ề c ả thành viên Ban ki ểm soát th ể hi ện theo quy ịnh t ại kho ản 2, i u 64 i u l ầu Ngân hàng.

i u 7. Tiêu chu ẩn và i u ki ện c ả b ộ, b ộ m ười m

Tiêu chu ẩn và i u ki ện c ả b ộ, b ộ m ười m ười thành viên Ban ki ểm soát th ể hi ện theo quy ịnh t ại i u 60 i u l ầu Ngân hàng.

i u 8. Ờng nhiên m ột t ại cách, b ộ m ười m, m ười m ười m

Các tr ờng h ợp ờng nhiên m ột t ại cách, b ộ m ười m, m ười m ười m ười thành viên Ban ki ểm soát và các quy ịnh có liên quan c ả th ể hi ện theo quy ịnh t ại i u 61 i u l ầu Ngân hàng.

i u 9. Thay th ế thành viên Ban ki ểm soát

1. Trong th ời h ạn t ại a 15 (m ười l ăm) ngày làm vi ệc k ể từ ngày Tr ờng Ban ki ểm soát b ộ ờng nhiên m ột t ại cách theo quy ịnh t ại i u 8 Quy ịnh này, các thành viên Ban ki ểm soát có trách nhi ệm t ại ch ợc h ợp Ban ki ểm soát b ộ m ười m ười thành viên làm Tr ờng Ban ki ểm soát.

2. Trong th ời h ạn t ại a 60 (sáu m ươi) ngày k ể từ ngày nh ận n ộp xin t ại ch ợc c ả Tr ờng Ban ki ểm soát, Ban ki ểm soát ph ải t ại ch ợc h ợp xem xét, quy ết ịnh v ề à t ỉ n hành các th ể t ại m ười m ười và b ộ Tr ờng Ban ki ểm soát thay th ế.

3. i ể v ề i ể các tr ờng h ợp m ười m ười m, b ộ m ười m ười thành viên Ban ki ểm soát theo quy ịnh t ại i u 8 Quy ịnh này, H ội ờng qu ản tr ị có th ể t ại ch ợc h ợp i ể h ội ờng c ả ông b ộ t ại th ợng ho ặc trình i ể h ội ờng c ả ông g ần nh ất quy ết ịnh.

i u 10. Công khai các l ợi ích có liên quan

V ề c ả công khai các l ợi ích có liên quan c ả thành viên Ban ki ểm soát th ể hi ện theo quy ịnh t ại i u 65 i u l ầu Ngân hàng.

i u 11. Ngh ỉ a v ề c ả thành viên Ban ki ểm soát

Các quy ịnh liên quan ờng ngh ỉ a v ề c ả thành viên Ban ki ểm soát c ả th ể hi ện theo quy ịnh t ại i u 66 i u l ầu Ngân hàng.

i u 12. Th ờ lao và chi phí khác c ả thành viên Ban ki ểm soát

Thù lao và chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát được thể hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân hàng.

Mục 2 **NHIỆM VỤ, QUYỀN hạn chế của BAN KIỂM SOÁT**

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật, thực hiện nghĩa vụ công trong việc thể hiện nhiệm vụ, quyền hạn của giao.

2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Kiểm tra hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quản trị rủi ro, kế toán và báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, rà soát đánh giá mặt cách tiếp cận, khách quan và tính khách quan của kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Có quyền sử dụng tài liệu và quy định của tổ chức, cung cấp ý kiến, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng thực hiện nhiệm vụ của giao.

4. Tham mưu báo cáo tài chính 06 tháng, năm và hàng năm của Ngân hàng, bao gồm các báo cáo tài chính đã kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập thực hiện. Báo cáo nghĩa vụ công và kết quả thực hiện báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ tin cậy trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát cần tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Hội đồng công.

5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thay đổi nhân sự theo quy định của Hội đồng công hoặc theo yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công theo quy định tại Điều 1, khoản 1, Điều 26 của Điều lệ Ngân hàng. Ban kiểm soát trình khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, ghi trình và nêu ý kiến về yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và Hội đồng hoặc nhóm công có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không có tính ràng buộc, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trong hợp đồng mua bán tài sản quản lý ngân hàng theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, những yêu cầu vi phạm chế độ tài chính và có ghi pháp luật khác nhau (nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đồng sáng lập, đồng sở hữu phần trăm của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.

7. Ngh H i ng qu n tr h p b t th ng ho c ngh H i ng qu n tr tr i u t p i h i ng c ông b t th ng theo quy nh t i Quy ch này và i u l Ngân hàng.

8. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong tr ng h p H i ng qu n tr có quy t nh vi ph m nghiêm tr ng quy nh t i i u l Ngân hàng ho c có quy t nh v t quá th m quy n c giao ho c có các quy t nh khác gây h u qu l n v v t ch t, tài chính, uy tín c a Ngân hàng.

9. Các nhi m v và quy n h n khác theo quy nh t i i u l Ngân hàng.

i u 14. Nhi m v , quy n h n c a Tr ng Ban ki m soát

1. T ch c tri n khai vi c th c hi n nhi m v , quy n h n c a Ban ki m soát theo quy nh t i Quy ch này.

2. Chu n b ch ng trình cho các cu c h p c a Ban ki m soát trên c s xem xét các v n và m i quan tâm c a t t c thành viên Ban ki m soát liên quan n nhi m v , quy n h n c a Ban ki m soát; tri u t p và ch t a cu c h p Ban ki m soát.

3. Thay m t Ban ki m soát ký các v n b n thu c th m quy n c a Ban ki m soát.

4. Thay m t Ban ki m soát tri u t p i h i ng c ông h p b t th ng ho c ngh H i ng qu n tr h p b t th ng theo quy nh t i Quy ch này và i u l Ngân hàng.

5. Chu n b k ho ch làm vi c và phân công nhi m v cho các thành viên Ban ki m soát theo quy nh t i i u l ngân hàng và Quy ch này.

6. m b o các thành viên Ban ki m soát nh n c thông tin y , khách quan, chính xác và th i gian th o lu n các v n mà Ban ki m soát ph i xem xét.

7. Giám sát, ch o các thành viên Ban ki m soát trong vi c th c hi n các công vi c c phân công và nhi m v , quy n h n c a Ban ki m soát.

8. y quy n cho m t thành viên khác c a Ban ki m soát th c hi n nhi m v c a mình trong th i gian v ng m t.

9. Các nhi m v và quy n h n khác theo quy nh t i i u l Ngân hàng.

i u 15. Nhi m v , quy n h n c a thành viên Ban ki m soát

1. Th c hi n các nhi m v và quy n h n c a thành viên Ban ki m soát theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l Ngân hàng và Quy nh n i b c a Ban ki m soát m t cách trung th c, th n tr ng vì l i ích c a ngân hàng và c ông.

2. B u, mi n nhi m, bãi nhi m Tr ng Ban ki m soát.

3. Yêu c u Tr ng Ban ki m soát tri u t p h p Ban ki m soát b t th ng.

4. Ki m soát các ho t ng kinh doanh, ki m tra s sách k toán, tài s n, các báo cáo tài chính và ki n ngh kh c ph c các sai ph m n u có.

5. Các quy định yêu cầu cán bộ, nhân viên của ngân hàng cung cấp số liệu và ghi trình các hoạt động kinh doanh thực hiện nhiệm vụ công phân công.

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát, trình những vấn đề có xung đột lợi ích.

8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, những không biểu quyết.

9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trình Hội đồng.

10. Các nhiệm vụ, quy định khác theo quy định của Ngân hàng.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Các cuộc họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp ít nhất một quý một lần và có thể có từ một đến bốn lần họp thường kỳ trong năm công vụ.

2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát thực hiện hành theo những cách:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Trưởng Ban kiểm soát;
- d) Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban kiểm soát;
- e) Tổng giám đốc;

e) Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố Ngân hàng trực thuộc chính.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản nghị quyết Ban kiểm soát bất thường của một trong các hội đồng nêu tại các mục a, b, c, d, e, khoản 2 điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trưởng họp sau hai lần nghị quyết mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố Ngân hàng trực thuộc chính và tiến hành họp Ban kiểm soát xử lý công vụ, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm các vị trí kiêm nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát, trình Ngân hàng Nhà nước

chủ yếu theo đúng quy định hiện hành hoặc quy định khác của pháp luật có hiệu lực hiện hành công bố thì không xử lý như quy định, và không có chế tài gì quy định (nếu có).

4. **Điều kiện:** Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành tại địa chỉ đăng ký của Ngân hàng.

5. **Thông báo và chương trình họp:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản gửi Viết, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian họp và địa điểm và phí kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và các phụ lục cho những thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phụ lục cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Trên cơ sở cuộc họp Ban kiểm soát họp bất thường, thông báo miệng và thời hạn gửi thông báo theo quy định của Ban kiểm soát.

6. **Số thành viên tham dự yêu cầu:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế làm thay thế trong các thành viên Ban kiểm soát được quy định. Trên cơ sở triệu tập họp Ban kiểm soát như kể trên nhưng không có số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không có số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và nghị triệu tập hội đồng công bố thì trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo được công bố xem xét cách thức của các thành viên Ban kiểm soát và xem xét bổ sung, thay thế.

7. **Biểu quyết:**

a) Mọi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là một người được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan thì vẫn có thể tham gia Ban kiểm soát quy định nhưng không được phép tham gia biểu quyết và vẫn có thể tính vào số lượng biểu quyết yêu cầu một tại cuộc họp, nhưng thì cũng không được nhân ý quyết của thành viên Ban kiểm soát khác tham gia biểu quyết vào đó.

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh thì một cuộc họp liên quan đến quy định của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quy định biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện gửi quy định bằng cách chấp thuận biểu quyết biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tiếp theo các cuộc họp. Phán quyết của hội đồng có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trên cơ sở họp khi bản chất hoặc mục đích quy định của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó của biểu quyết.

d) B t k thành viên Ban ki m soát nào có liên quan n m t h p ng c nêu t i kho n l i u 68 i u l Ngân hàng s c coi là có quy n l i v t ch t i v i h p ng ó.

8. Tuyên b quy n l i: Thành viên Ban ki m soát n u theo s hi u bi t c a mình th y có liên quan dù là tr c ti p hay gián ti p t i m t h p ng, m t th a thu n hay m t h p ng đ ki n, m t th a thu n đ ki n giao k t v i Ngân hàng ph i khai báo b n ch t quy n l i liên quan t i cu c h p H i ng qu n tr và cu c h p Ban ki m soát, t i ây H i ng qu n tr và Ban ki m soát s xem xét vì c có giao k t các h p ng ho c th a thu n ó không, n u nh sau này m i bi t v s t n t i quy n l i ó c a mình hay trong b t c tr ng h p nào khác, thành viên ó ph i thông báo ngay t i cu c h p g n nh t c a H i ng qu n tr và cu c h p g n nh t c a Ban ki m soát sau khi thành viên ó bi t c ã có quy n l i liên quan.

9. Bi u quy t a s : Quy t nh c a Ban ki m soát c thông qua n u c quá bán s thành viên Ban ki m soát có quy n tham gia bi u quy t đ h p ch p thu n. Tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Tr ng Ban ki m soát ho c thành viên Ban ki m soát c Tr ng Ban ki m soát y quy n ch t a cu c h p (tr ng h p Tr ng Ban ki m soát v ng m t).

10. Tr ng h p Ban ki m soát l y ý ki n b ng v n b n thông qua quy t nh v m t v n thì quy t nh c coi là có giá tr t ng ng v i m t quy t nh c thông qua b i các thành viên Ban ki m soát t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c thông th ng, n u:

a) c s nh t trí b ng v n b n c a a s các thành viên Ban ki m soát có quy n tham gia bi u quy t i v i v n a ra xin ý ki n;

b) S l ng thành viên Ban ki m soát có quy n tham gia bi u quy t b ng v n b n ph i áp ng c i u ki n v s l ng thành viên b t bu c ph i có ti n hành h p Ban ki m soát.

i u 17. Biên b n h p Ban ki m soát

Cu c h p Ban ki m soát ph i c ghi y vào s biên b n. Biên b n h p Ban ki m soát c l p b ng t i ng Vi t và ph i c t t c các thành viên Ban ki m soát tham đ cu c h p ký tên. Ch t a cu c h p và th ký ph i ch u trách nhi m v tính trung th c và chính xác c a Biên b n h p Ban ki m soát. Ch t a cu c h p có trách nhi m b trí l p và g i Biên b n h p Ban ki m soát cho các thành viên Ban ki m soát và Biên b n ó s

c coi là b ng ch ng mang tính k t lu n v công vi c t i n hành t i cu c h p, tr tr ng h p có nh ng khi u n i liên quan n n i dung c a Biên b n h p Ban ki m soát trong th i h n 10 ngày k t ngày g i biên b n ó.

i u 18. Ho t ng ki m tra c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát th c hi n nhi m v ki m tra và giám sát ho t ng tài chính trong Ngân hàng thông qua vi c ki m tra ho t ng qu n lý và s đ ng ngu n v n, ho t ng u t , vi c ch p hành ch h ch toán, qu n lý tài s n ngân hàng, các ho t ng kinh doanh đ ch v , k t qu kinh doanh...

2. Ban kiểm soát sẽ đăng bộ phận kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thực hiện hoạt động kiểm tra.

3. Hình thức kiểm tra

a) Kiểm tra trực tiếp;

b) Kiểm tra gián tiếp: như kiểm tra hồ sơ;

4. Phương thức kiểm tra

a) Kiểm tra sau;

b) Tham gia đóng góp ý kiến về nội dung quy định, chế độ, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng.

5. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ban kiểm soát ban hành quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động kiểm tra.

Mục 4

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát với cách làm việc bộ phận trong các cuộc họp quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và công khai trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ưu tiên phối hợp với Hội đồng quản trị, không có trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cụ thể và các văn bản xin ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và danh sách các văn bản quy định nội bộ của Hội đồng quản trị phải công bố cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian công bố cho thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến về nội dung các văn bản đề xuất và thông qua các cuộc họp.

5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị công bố cho Ban kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban kiểm soát.

7. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị theo quy định.

Điều 20. Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc

1. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống nội bộ hành pháp nội bộ ngân hàng tính công lập, khách quan, trung thực, phi lợi nhuận tác nghiệp, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quy định của mình.

2. Tổng giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về việc thực hiện các quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và nội bộ Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Căn cứ vào báo cáo hoạt động kinh tế và thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị xem xét lại các quy định của Tổng Giám đốc.

4. Ban kiểm soát kiểm tra và đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc sáu (06) tháng một lần trong Hội đồng quản trị.

5. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nội bộ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quy định đó. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thông báo ý kiến của Ban kiểm soát về các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quy định của Tổng Giám đốc.

Điều 21. Quan hệ với Hội đồng ngân hàng

Ban kiểm soát với cách thức điều hành thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Ngân hàng, do đó, các thành viên Ban kiểm soát phải chấp hành nghiêm túc các bổn phận thông tin, báo cáo trung thực, chính xác của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị hoạt động tài chính của Ngân hàng thông qua Hội đồng quản trị hàng năm hoặc bất kỳ khi nào. Có trách nhiệm giám sát các chi tiêu và giám sát các khoản chi của Hội đồng quản trị về việc Ban kiểm soát.

Mục 5

QUY ĐỊNH KHEN THƯNG VÀ VI PHẠM BAN KIỂM SOÁT, TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ NỘI BỘ NGÂN HÀNG

Điều 22. Khen thưởng và vi phạm Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quy định của mình thông qua việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát giúp Ngân hàng hạn chế các rủi ro và phát triển kinh doanh có hiệu quả là các thành viên Hội đồng quản trị xem xét, khen thưởng cho thành viên hoặc thành viên Ban kiểm soát.

2. Hình thức và mức khen thưởng và việc phạt hoặc thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở từng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Ban kiểm soát để khuyến khích Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và nội bộ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng

vết t ng m c m c thù lao, th ng và các l í ích liên quan khác ã c í h í ng c ông thông qua thì s trình í h í ng c ông quy t nh.

í u 23. Trách nhi m tuân th quy nh v công khai l í ích liên quan, tuân th ngh a v c a thành viên Ban ki m soát

Thành viên Ban ki m soát ph í tuân th các quy nh v công khai l í ích liên quan, tuân th các quy nh v ngh a v c a thành viên Ban ki m soát theo quy nh c a Quy ch này, í u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

í u 24. Trách nhi m c a thành viên Ban ki m soát trong tr ng h p không tuân th các quy nh v công khai l í ích liên quan, ngh a v c a thành viên Ban ki m soát

1. Thành viên Ban ki m soát vi ph m các quy nh v công khai l í ích liên quan, các quy nh v ngh a v c a thành viên Ban ki m soát, ngoài vi c b bãi nhi m, mìn nhi m theo quy nh t í í u 8 Quy ch này còn ph í ch u trách nhi m ho c liên í ch u trách nhi m v nh ng thi t h í c a Ngân hàng do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

M í thu nh p và l í ích khác mà thành viên Ban ki m soát tr c ti p ho c gián ti p có c do vi ph m ngh a v c a mình u thu c s h u c a Ngân hàng.

2. Nguyên t c b í th ng thi t h í

a) Thi t h í ph í c b í th ng toàn b và k p th í;

b) M c b í th ng có th c gi m n u do l í vô ý mà gây thi t h í quá l n so v í kh n ng kinh t tr c m t và lâu dài c a ng í gây thi t h í;

c) M c b í th ng, hình th c và ph ng th c b í th ng c xác nh trên c s m c thi t h í th c t mà Ngân hàng ph í ch u và do í h í ng c ông Ngân hàng quy t nh.

3. Xác nh thi t h í

a) Thi t h í v tài s n: trong tr ng h p hành vi vi ph m gây thi t h í v tài s n cho Ngân hàng thì thi t h í b í th ng bao g m nh ng không gi í h n:

(i) Tài s n b m t;

(ii) Tài s n b h y ho í ho c b h h ng;

(iii) L í ích g n li n v í vi c khai thác, s d ng tài s n;

(iv) Chi phí h p lý ng n ch n, h n ch và kh c ph c thi t h í;

(v) Chi phí liên quan n quá trình Ngân hàng yêu c u c quan có th m quy n x lý b o v quy n l í c a mình: chi phí lu t s , chi phí theo phán quy t c a c quan có th m quy n gi í quy t;

(vi) Các kho n t i n ph t, các kho n ph í thanh toán phát sinh trong th c t mà Ngân hàng ph í gánh ch u liên quan n các thi t h í do hành vi vi ph m gây ra.

b) Thi t h í v uy tín c a Ngân hàng do hành vi vi ph m gây ra bao g m:

(i) Chi phí hợp lý, hợp pháp, khách quan;

(ii) Thu nhập thực tế, minh bạch, đúng đắn.

4. Ngoài trách nhiệm phân bổ chi phí theo quy định tại khoản 1, 2, 3 điều này, thành viên Ban kiểm soát còn có thể phân bổ các trách nhiệm khác theo quy định của Quy chế này, điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan do hành vi vi phạm các quy định công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

Chương III **I U KHO N THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực khi được Hội đồng công thông qua.

2. Trong trường hợp nội dung quy định của điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác nhau so với quy định trong Quy chế này hoặc trong trường hợp nội dung quy định của điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với nội dung điều khoản trong Quy chế này thì nội dung quy định của điều lệ Ngân hàng và pháp luật có hiệu lực áp dụng, điều khoản khác, hoặc của Hội đồng quản trị.

3. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN